

VĂN PHÒNG TP.HCM : 214 - 216 Trần Văn Giàu, Phường An Lạc, - ĐT : 028.62915599 - 62915596
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam - FAX : 028.62915597 - 62915598
NHÀ MÁY TÂY NINH : Lô B02 Đường Số 3, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5 - ĐT : 028.38772042 - 0272.3779399
Xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam - FAX : 0272.3779160
NHÀ MÁY HẢI PHÒNG : KCN Nam Sách, Phường Ái Quốc, - ĐT : 0220.3751607-292
Thị trấn Phố Hải Phòng, Việt Nam - FAX : 0220.3751177




 NHÀ MÁY TÂY NINH
 NHÀ MÁY HẢI PHÒNG
 CÔNG TY
 TNHH
 HÓA NHỰA
 ĐÊ NHẤT
 TÂN YÊN - T. BẮC NINH
 M.S.D.N: 1100.018.000

ÁP DỤNG CHO KHU VỰC MIỀN NAM - TỪ QUẢNG TRỊ - có hiệu lực TỪ NGÀY 25/07/2026

ST T	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/mét)		PN	ST T	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/mét)		PN
	Tên	Quy cách	Trước VAT	Thanh toán			(bar)	Tên	Quy cách	Trước VAT	
1	Ø 20	20 x 1.8mm	7,900	8,532	12.5	9	Ø 110	110 x 4.2mm	109,400	118,152	6
		20 x 2.0mm	8,700	9,396	16			110 x 5.3mm	135,900	146,772	8
		20 x 2.3mm	10,200	11,016	20			110 x 6.6mm	170,000	183,600	10
2	Ø 25	25 x 2.0mm	11,100	11,988	12.5			110 x 8.1mm	203,100	219,348	12.5
		25 x 2.3mm	13,200	14,256	16			110 x 10.0mm	245,300	264,924	16
		25 x 3.0mm	15,400	16,632	20			110 x 12.3mm	295,200	318,816	20
3	Ø 32	32 x 2.0mm	14,800	15,984	10	10	Ø 125	125 x 4.8mm	141,600	152,928	6
		32 x 2.4mm	18,100	19,548	12.5			125 x 6.0mm	175,500	189,540	8
		32 x 3.0mm	21,200	22,896	16			125 x 7.4mm	214,600	231,768	10
		32 x 3.6mm	25,500	27,540	20			125 x 9.2mm	261,500	282,420	12.5
4	Ø 40	40 x 2.0mm	18,800	20,304	8			125 x 11.4mm	317,300	342,684	16
		40 x 2.4mm	22,600	24,408	10			125 x 14.0mm	378,300	408,564	20
		40 x 3.0mm	27,300	29,484	12.5	11	Ø 140	140 x 5.4mm	177,600	191,808	6
		40 x 3.7mm	32,800	35,424	16			140 x 6.7mm	218,600	236,088	8
		40 x 4.5mm	39,000	42,120	20			140 x 8.3mm	267,900	289,332	10
5	Ø 50	50 x 2.4mm	29,100	31,428	8			140 x 10.3mm	324,400	350,352	12.5
		50 x 3.0mm	34,700	37,476	10			140 x 12.7mm	393,300	424,764	16
		50 x 3.7mm	41,700	45,036	12.5	140 x 15.7mm	473,100	510,948	20		
		50 x 4.6mm	50,900	54,972	16	12	Ø 160	160 x 6.2mm	232,800	251,424	6
		50 x 5.6mm	60,200	65,016	20			160 x 7.7mm	287,000	309,960	8
6	Ø 63	63 x 3.0mm	45,100	48,708	8			160 x 9.5mm	352,000	380,160	10
		63 x 3.8mm	55,400	59,832	10			160 x 11.8mm	423,300	457,164	12.5
		63 x 4.7mm	67,200	72,576	12.5			160 x 14.6mm	520,200	561,816	16
		63 x 5.8mm	80,100	86,508	16			160 x 17.9mm	620,600	670,248	20
		63 x 7.1mm	95,900	103,572	20	13	Ø 180	180 x 6.9mm	290,800	314,064	6
7	Ø 75	75 x 3.6mm	64,200	69,336	8			180 x 8.6mm	361,300	390,204	8
		75 x 4.5mm	79,100	85,428	10			180 x 10.7mm	443,100	478,548	10
		75 x 5.6mm	95,300	102,924	12.5			180 x 13.3mm	539,700	582,876	12.5
		75 x 6.8mm	113,700	122,796	16			180 x 16.4mm	654,300	706,644	16
		75 x 8.4mm	135,800	146,664	20	14	Ø 200	200 x 7.7mm	361,200	390,096	6
8	Ø 90	90 x 4.3mm	90,700	97,956	8			200 x 9.6mm	450,100	486,108	8
		90 x 5.4mm	112,200	121,176	10			200 x 11.9mm	555,300	599,724	10
		90 x 6.7mm	135,600	146,448	12.5			200 x 14.7mm	661,400	714,312	12.5
		90 x 8.2mm	162,800	175,824	16			200 x 18.2mm	818,700	884,196	16
		90 x 10.1mm	194,900	210,492	20			200 x 22.4mm	976,200	1,054,296	20

ÁP DỤNG CHO KHU VỰC MIỀN NAM - TỪ QUẢNG TRỊ - có hiệu lực TỪ NGÀY 25/07/2026

Ống HDPE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007

ST T	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/mét)		PN (bar)	ST T	Sản phẩm		Đơn giá (đồng/mét)		PN (bar)
	Tên	Quy cách	Trước VAT	Thanh toán			Tên	Quy cách	Trước VAT	Thanh toán	
15	Ø 225	225 x 8.6mm	453,200	489,456	6	22	Ø 500	500 x 19.1mm	2,213,900	2,391,012	6
		225 x 10.8mm	566,900	612,252	8			500 x 23.9mm	2,775,500	2,997,540	8
		225 x 13.4mm	682,600	737,208	10			500 x 29.7mm	3,404,800	3,677,184	10
		225 x 16.6mm	836,000	902,880	12.5			500 x 36.8mm	4,118,100	4,447,548	12.5
		225 x 20.5mm	1,000,900	1,080,972	16			500 x 45.4mm	5,014,700	5,415,876	16
16	Ø 250	250 x 9.6mm	561,400	606,312	6	23	Ø 560	560 x 21.4mm	3,040,600	3,283,848	6
		250 x 11.9mm	691,700	747,036	8			560 x 26.7mm	3,749,300	4,049,244	8
		250 x 14.8mm	845,700	913,356	10			560 x 33.2mm	4,603,400	4,971,672	10
		250 x 18.4mm	1,039,400	1,122,552	12.5			560 x 41.2mm	5,618,800	6,068,304	12.5
		250 x 22.7mm	1,245,300	1,344,924	16			560 x 50.8mm	6,786,800	7,329,744	16
17	Ø 280	280 x 10.7mm	696,200	751,896	6	24	Ø 630	630 x 24.1mm	3,852,600	4,160,808	6
		280 x 13.4mm	882,300	952,884	8			630 x 30.0mm	4,737,300	5,116,284	8
		280 x 16.6mm	1,053,800	1,138,104	10			630 x 37.4mm	5,830,600	6,297,048	10
		280 x 20.6mm	1,303,200	1,407,456	12.5			630 x 46.3mm	7,101,800	7,669,944	12.5
		280 x 25.4mm	1,560,700	1,685,556	16			630 x 57.2mm	8,672,800	9,366,624	16
18	Ø 315	315 x 12.1mm	887,700	958,716	6	25	Ø 710	710 x 27.2mm	4,905,000	5,297,400	6
		315 x 15.0mm	1,105,300	1,193,724	8			710 x 33.9mm	6,040,200	6,523,416	8
		315 x 18.7mm	1,341,800	1,449,144	10			710 x 42.1mm	7,409,700	8,002,476	10
		315 x 23.2mm	1,629,900	1,760,292	12.5			710 x 52.2mm	9,035,900	9,758,772	12.5
		315 x 28.6mm	1,975,500	2,133,540	16	26	Ø 800	800 x 30.6mm	6,212,100	6,709,068	6
19	Ø 355	355 x 13.6mm	1,127,600	1,217,808	6			800 x 38.1mm	7,656,200	8,268,696	8
		355 x 16.9mm	1,389,900	1,501,092	8			800 x 47.4mm	9,395,900	10,147,572	10
		355 x 21.1mm	1,705,200	1,841,616	10			800 x 58.8mm	11,476,000	12,394,080	12.5
		355 x 26.1mm	2,067,200	2,232,576	12.5	27	Ø 900	900 x 34.4mm	7,856,600	8,485,128	6
		355 x 32.2mm	2,507,900	2,708,532	16			900 x 42.9mm	9,687,300	10,462,284	8
20	Ø 400	400 x 15.3mm	1,422,500	1,536,300	6			900 x 53.3mm	11,885,100	12,835,908	10
		400 x 19.1mm	1,782,400	1,924,992	8	28	Ø 1000	1000 x 38.2mm	9,694,400	10,469,952	6
		400 x 23.7mm	2,166,800	2,340,144	10			1000 x 47.7mm	11,969,000	12,926,520	8
		400 x 29.4mm	2,617,200	2,826,576	12.5			1000 x 59.3mm	14,688,400	15,863,472	10
		400 x 36.3mm	3,196,200	3,451,896	16	29	Ø 1200				
21	Ø 450	450 x 17.2mm	1,817,900	1,963,332	6			1200 x 45.9mm	13,963,400	15,080,472	6
		450 x 21.5mm	2,237,300	2,416,284	8			1200 x 57.2mm	17,226,800	18,604,944	8
		450 x 26.7mm	2,737,900	2,956,932	10			1200 x 67.9mm	20,233,700	21,852,396	10
		450 x 33.1mm	3,309,000	3,573,720	12.5						
		450 x 40.9mm	4,045,400	4,369,032	16						